

Bản án số: 24/2022/HS-ST
Ngày: 17-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hòa
Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chung Nguyễn Hữu Thiện
Bà Lương Thị Diệu
Bà Lê Nguyễn Thị Ngọc Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên

Ngày 10 và ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với:

- Các bị cáo:

1. Trần Minh T; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1992 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số 295/12H, phường 13, Quận B, TP. Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Tự do; chức vụ: Không; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị Bạch Ng, sinh năm 1955; bị cáo có 01 người em sinh năm 1996; Vợ: Trần Hồng C, sinh năm 1992, bị cáo có 01 người con sinh năm 2018; tiền sự: Không

Tiền án: 01 - Ngày 22/01/2018 bị Tòa án nhân dân Quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 16/2018/HSST. Bị can đã chấp hành xong bản án ngày 19/6/2018.

Ngày 21/01/2020 bị bắt người phạm tội quả tang về hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và bị tạm giữ. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/01/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Nguyễn Đình K; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 16 tháng 4 năm 1994, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: 163/11 đường T, phường 14, Quận N, TP. Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; chức vụ: Không; con ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; bị cáo có 01 người anh sinh năm 1978 và 01 người chị sinh năm 1979, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình, bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không

Tiền án: 01 - Ngày 25/01/2018 bị Tòa án nhân dân Quận M, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 06/2018/HSST. Bị can đã chấp hành xong bản án ngày 04/4/2018; Ngày 21/01/2020 bị bắt người phạm tội quả tang về hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và bị tạm giữ. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/01/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T*

Luật sư: **Nguyễn Minh Đăng** (thuộc Văn phòng Luật sư Đăng Minh-Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước)

Địa chỉ: Số 109, Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Anh **Phan Văn A** (tên gọi khác là Q), sinh năm 1992

2. Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: 756/27/2 Đoàn Văn B, phường 16, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người làm chứng*

1. Anh **Hồ Thanh D**, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 876/38 C, phường 5, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh **Chu Mạnh H**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Chị **Nguyễn Hà M**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: 79/27 L, phường 17, quận G, thành phố Hồ Chí Minh

4. Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1958 (có mặt)

5. Chị **Nguyễn Hồng C**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

6. Chị **Lê Thị Mỹ D**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 295/12H N, phường 13, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

7. Chị **Nguyễn Hồng X**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: 756/51 Đ, phường 16, quận N, thành phố thành phố Hồ Chí Minh

8. Chị **Nguyễn Thị Thu Th**, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 3.1 Lô B, chung cư 189B C, phường N, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

9. Ông **Nguyễn Đình L**, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: 521/779 C, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 05 giờ 30 phút ngày 21 tháng 01 năm 2020, qua tin báo của quần chúng nhân dân. Phòng Cảnh sát ma túy Công an tỉnh Bình Phước phối hợp Công an thành phố Đ, Công an xã T tiến hành kiểm tra hành chính nhà nghỉ “Đức Phú” tại ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Tại thời điểm kiểm tra phát hiện Trần Minh T và Nguyễn Đình K đang ở trong phòng số 1 có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và K, thu giữ và niêm phong vật chứng gồm:

- 01 (một) bọc nylon màu trắng kích thước (4,7 x 4,2)cm miệng kéo bên trong có chứa tinh thể màu trắng (đối tượng khai nhận là ma túy đá), đã tiến hành bỏ vào túi niêm phong mã số DS3A066736 (ký hiệu M1).

- 01 bịch ny lon màu đỏ kích thước (48x 36)cm bên ngoài có ghi chữ Sơn Hoàng Mia bên trong có 01 (một) bịch nylon màu vàng kích thước (14,7 x 25,2 x 7,6)cm bên ngoài có chữ GUANYINWANG một miệng hở, trong bịch nylon màu vàng có 02 (hai) bịch nylon màu trắng lồng vào nhau bị cắt một đầu, kích thước (33 x 13,5 x 6,9)cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng. Tiến hành tháo một lớp bịch nylon màu trắng có chứa tinh thể màu trắng và bỏ vào trong 01 (một) thùng giấy có chữ STING niêm phong (ký hiệu M2); 03 bịch nylon tiến hành niêm phong bỏ vào 01 thùng giấy có chữ SOLITE niêm phong (ký hiệu M3).

- 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp có 01 đoạn ống hút màu trắng và một nỏ thủy tinh (bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá) niêm phong mã số PS1A064162 (ký hiệu M4).

Quá trình điều tra Trần Minh T và Nguyễn Đình K khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 20 tháng 01 năm 2020, Trần Minh T đến gặp người bạn tên thường gọi là Q tại số nhà 756/27/2 Đ, phường 16, Quận N, TP. Hồ Chí Minh để xin khất nợ số tiền 20.000.000đ. Q nói T mang ma túy lên thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giao thì Q sẽ xóa nợ và trả công cho T thêm 20.000.000đ, T đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày T quay lại nhà Q, Q điện thoại cho 01 người phụ nữ ở nhà đối diện (Q gọi là mẹ) mang sang một cái nồi nhôm, mở nồi ra bên trong có 01 bịch ma túy, người phụ nữ đưa bịch ma túy cho T, T lấy 01 cái bọc nylon màu đỏ bỏ vào, sau đó tiếp tục bỏ vào một cái túi vải màu đỏ do T mang theo. Q dặn T mang ma túy đi lên thành phố Đ sau đó vào khách sạn Hùng Vương chờ sẽ có người liên lạc đến nhận ma túy, T lấy số tiền 330.000.000đ mang về cho Q

Trước khi đi, T điện thoại rủ Nguyễn Đình K đi lên thành phố Đ chơi thì K đồng ý. Mục đích của K là để gặp người phụ nữ tên P ở thành phố Đ mà K quen trước đó để sử dụng ma túy. T nói K đặt xe Grab qua đường V, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh đón T. K liên lạc nói P chuẩn bị ma túy để cùng sử dụng, P nói K xuống bên xe Thành Công thì P sẽ ra đón.

Khoảng 01 giờ ngày 21 tháng 01 năm 2020, K thuê xe ô tô Grab của anh Hồ Thanh D đi đến số 04 đường V, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh đón T. Sau đó tiếp tục thuê anh D chở K và T đi thành phố Đ, thỏa thuận tiền xe là

2.000.000 đồng. Khoảng 03 giờ cùng ngày, khi đến bến xe Thành Công thuộc thành phố Đ nhưng không thấy P đón nên T nói anh D chở đến khách sạn Hùng Vương, T đưa cho K 3.000.000đ để trả tiền xe còn T mang theo gói ma túy vào thuê phòng số 203 khách sạn Hùng Vương để chờ người đến nhận ma túy

K nói anh D chở quay lại bến xe Thành Công, K trả cho anh D 2.000.000đ tiền thuê xe và nói anh D đi tìm chỗ nghỉ ngơi. K đi vào bến xe Thành Công gặp P sau đó cả hai đi xe mô tô của P đến thuê phòng số 1 nhà nghỉ Đức Phú để sử dụng ma túy. Khi vào phòng số 1, P lấy ra 01 gói ma túy đá và nói mới mua với giá 2.000.000đ, P hỏi tài khoản ví momo còn tiền không chuyển cho P 1.000.000đ, K hiểu ý P nói góp tiền mua ma túy để sử dụng, do tài khoản ví momo không còn tiền nên K nhắn tin hỏi T thì T chuyển cho K 800.000đ, sau đó K chuyển 800.000đ qua tài khoản ví momo cho P. P lấy dụng cụ sử dụng ma túy ra để P và K sử dụng ma túy. K gửi cho T số điện thoại của anh Danh, chia sẻ vị T nhà nghỉ Đức Phú và rủ T đến nhà nghỉ Đức Phú sử dụng ma túy

Trần Minh T chờ ở khách sạn Hùng Vương khoảng 01 giờ nhưng không thấy người liên lạc đến nhận ma túy nên điện thoại cho anh D đến khách sạn Hùng Vương đón và chở đến nhà nghỉ Đức Phú, T xách túi đựng ma túy xuống và nói anh D đi tìm chỗ đậu xe, T đi vào đến cổng thì thấy K đi ra đón và đưa vào phòng số 01. Tại đây T, P và K tiếp tục sử dụng ma túy do P mang đến. Sau đó, T lấy kéo cắt bịch nylon lấy một ít ma túy trong bọc ma túy T mang theo để T và P cùng sử dụng. Sử dụng xong P nói đi ra lấy đồ rồi mở cửa phòng đi ra ngoài, một lúc sau thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng

Tại bản kết luận giám định số 15/2020/GĐMT ngày 23 tháng 01 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Tinh thể màu trắng có trong 01 (một) bọc nylon (ký hiệu M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại **Methamphetamine**, có khối lượng là: **3,7975 gam**.

- Tinh thể màu trắng có trong 01 (một) bọc nylon (ký hiệu M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại **Methamphetamine**, có khối lượng là: **982,9190 gam**.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-P2 ngày 03/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Trần Minh T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Nguyễn Đình K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- + Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

- + Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-P2 ngày 03/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T mức hình phạt 20 năm tù; bị cáo Nguyễn Đình K đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma

túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo K mức hình phạt từ 04 đến 05 năm tù.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Minh T thống nhất về tội danh và khung hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, điều kiện phạm tội và giữ vai trò thứ yếu trong vụ án; hoàn cảnh gia đình khó khăn cha mẹ già yếu, con còn nhỏ để giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong hồ sơ vụ án và lời khai người làm chứng về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm, biên bản tiếp nhận người phạm tội quả tang (BL 01), vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường (BL 04-06), kết luận giám định số 15/2020/GĐMT ngày 23 tháng 01 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ được tranh tụng công khai tại phiên tòa. Do vậy có đủ căn cứ để xác định:

Bị cáo Trần Minh T nợ đối tượng tên thường gọi là Q số tiền 20.000.000 đồng. Khoảng 19 giờ ngày 20/01/2020, T đến gặp người bạn tên Q để xin khát nợ thì Q nói T mang ma túy lên thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giao cho người nhận thì Q sẽ xóa nợ và trả công cho T thêm 20.000.000đ, T đồng ý. T điện thoại rủ Nguyễn Đình K thuê xe Grab đi lên thành phố Đồng Xoài chơi thì K đồng ý vì K cũng đang có ý định đi lên thành phố Đồng Xoài gặp người bạn tên thường gọi là P để sử dụng ma túy.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, T quay lại nhà Q thì gặp một người phụ nữ đưa bạch ma túy cho T để T mang lên thành phố Đồng Xoài giao cho người nhận. Khoảng 01 giờ ngày 21/01/2020, K thuê xe ô tô Grab của anh Hồ Thanh D đi từ 772 S, quận 10 đến số 04 đường V, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh đến đón T cùng lên thành phố Đ. Khoảng 03 giờ cùng ngày, T xuống tại khách sạn Hùng Vương, thành phố Đ và thuê phòng số 203 để chờ người đến nhận ma túy, còn K quay lại bến xe Thành Công thì P ra đón K rồi cả hai đến nhà nghỉ “Đức Phú”. Tại đây P thuê phòng số 1 và lấy ra 01 gói ma túy đá. P hỏi K tài khoản ví momo còn tiền không chuyển cho P 1.000.000đ, K hiểu ý P nói trả tiền mua ma túy của P, do tài khoản ví momo không còn tiền nên K nhắn tin nhờ T chuyển cho K 800.000 đồng, K chuyển số tiền này qua tài khoản ví momo cho P

để trả tiền mua ma túy. K và P cùng sử dụng ma túy với nhau. Sau đó K gọi điện thoại rủ T cùng đến nhà nghỉ “Đức Phú” cùng sử dụng ma túy, tại đây T, P và K tiếp tục sử dụng ma túy do K mua của P. Sau đó, T lấy kéo cắt bịch nylon lấy một ít ma túy trong bọc ma túy T mang theo để T và P cùng sử dụng. Số ma túy K mua của P còn lại do K cất giữ. Sau đó P đi ra ngoài một lúc sau thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Như vậy, bị cáo T đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép 982,9190 gam ma túy loại Methamphetamine từ thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Đ để giao cho người nhận theo yêu cầu của đối tượng tên Q nhằm để lấy tiền công. Vì vậy, hành vi của bị cáo Trần Minh T đã đủ các yếu tố cấu thành “Tội vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo K đã chuyển tiền mua ma túy cho đối tượng tên P, sau khi sử dụng một phần, số ma túy còn lại bị cáo cất giữ tại vị T góc gần kệ giường bên phải mục đích để sử dụng. Qua giám định có khối lượng là 3,7975 gam loại Methamphetamine. Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Đình K đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số 14/CT-VKS-P2 ngày 03/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội của mình các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, nhưng vì lợi ích của bản thân nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân chính gây ra các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương.

Trong vụ án này, bị cáo T thực hiện hành vi vận chuyển khối lượng ma túy lớn để hưởng lợi, hậu quả là đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo K thực hiện hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng của bản thân.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tháng 01/2018, bị cáo Trần Minh T bị Tòa án nhân dân Quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 16/2018/HSST. Bị cáo Nguyễn Đình K bị Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 06/2018/HSST. Mặc dù các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa hết thời hạn được xem là không có án tích, đến ngày 20/01/2021 các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp “*Tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa các bị cáo đã “thành khẩn khai báo” đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo T có con còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét tính chất, hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương, gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm minh để răn đe, đồng thời nhằm nâng cao ý thức đấu tranh phòng chống các tội phạm về ma túy và phòng ngừa chung cho xã hội là điều cần thiết.

[5] Liên quan đến vụ án còn có các đối tượng:

- Đối với đối tượng tên Phan Văn A và bà Nguyễn Thị N, quá trình điều tra không thu thập được chứng cứ nào xác định hành vi phạm tội như lời khai của bị cáo T nên không có đủ căn cứ để xử lý đối với Phan Văn A và Nguyễn Thị N.

- Theo lời khai tại biên bản phạm tội quả tang và các bản khai trước đây bị cáo T đều khai nhận bị cáo K biết và cùng tham gia với bị cáo T vận chuyển gói ma túy và là người liên hệ, trao đổi với đối tượng tên P là người nhận ma túy. Bị cáo K trước đây khai bị cáo T là người quen P và có trao đổi với P khi giao nhận, cắt mở gói ma túy để thử tại phòng số 1 nhà nghỉ Đức Phú. Tuy nhiên sau đó bị cáo T thay đổi lời khai cho rằng K hoàn toàn không biết việc bị cáo T vận chuyển gói ma túy, bị cáo K cũng thay đổi lời khai và khẳng định T không quen biết và không trao đổi gì với P khi cắt mở gói ma túy.

Qua tra cứu tài khoản ví momo và thông tin chủ sở hữu số điện thoại 0967.541.119 xác định chủ sở hữu tài khoản ví momo và số điện thoại trên là của Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. Qua xác minh xác định Y không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ.

Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung để làm rõ những vấn đề trên nhưng do không xác định được đối tượng P (tức Nguyễn Thị Kim Y) nên Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước không làm rõ được những nội dung trên. Do vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ hành vi của đối tượng Nguyễn Thị Kim Y (P) đồng thời xem xét vai trò liên quan của bị cáo K với hành vi của bị cáo T vận chuyển 982,9190 gam ma túy loại Methamphetamine cũng như hành vi K rủ T sử dụng chất ma túy tại nhà nghỉ Đức Phú để xử lý theo quy định.

- Đối với Hồ Thanh D là tài xế lái xe chở T và K đi từ thành phố Hồ Chí Minh đi lên thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nhưng D không biết T và K thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý.

- Đối với Chu Mạnh H là chủ nhà nghỉ “Đức Phú” đã cho P và K thuê phòng số 1 để sử dụng ma túy. Tuy nhiên, H không biết việc P và K thuê phòng để tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét xử lý.

[6] Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model: RM -1011505123F C014455D04V01 màu đen, số IMEI 1: 35647 80627 04604, IMEI 2: 35647

80627 04612 gắn kèm theo một sim mã số 8401 1811 5000 0204 WD, 01 thẻ nhớ 8 GB; 01 điện thoại di động “Iphone” IMEI khay sim 357377093708007 bên trong gắn thẻ sim mã số 8401-1908-5027-1994 thu giữ của bị cáo T do bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại di động “Iphone” IMEI khay sim 356713085591947 bên trong có gắn thẻ sim có mã số 8401-1812-5004-5083 của bị cáo K do bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước

- Số tiền bị cáo T đưa cho bị cáo K 3.000.000đ để trả tiền thuê xe thực hiện hành vi phạm tội. K đã trả cho Hồ Thanh D 2.000.000đ, còn lại 1.000.000đ cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Các vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ:

- 01 túi niêm phong mã số 15M1 ngày 22/01/2020 có chữ ký giáp lai và hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước

- 01 thùng giấy có chữ STING niêm phong (ký hiệu M2) dán kín mép, có chữ ký giáp lai và hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước

- 01 thùng giấy có chữ SOLITE niêm phong (ký hiệu M3) dán mép kín có chữ ký giáp lai và hình dấu tròn đỏ của Công an xã Tiến Hưng

- 01 túi niêm phong mã số PS1A064162 (ký hiệu M4)

- 01 mảnh nilon màu vàng, kích thước (14,6 x 5)cm; 01 gói thuốc hiệu Jet; 01 hộp quẹt ga màu trắng; 01 cái kéo bằng kim loại dài 10,2cm; 01 túi vải màu đỏ mặt ngoài có chữ “PHUONG NAM EDUCATION”; 01 đoạn kim loại dài 7,0cm; 01 túi xách màu đen; 01 cục sạc, 01 dây sạc, 01 dây nghe; 01 kính mắt màu đen; 01 hộp quẹt ga màu trắng chỉ còn phần nhựa; 01 mũ màu đỏ, mặt ngoài có chữ “DRI - FIT”

- **Các đồ vật là tài sản cá nhân của bị cáo Trần Minh T nên cần trả lại** cho bị cáo T gồm: 01 bóp da màu đen; số tiền 5.762.000đồng (năm triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng); 01 tờ tiền 10 USD DOLLARS; 01 tờ tiền 2 USD DOLLARS; 01 đồng hồ hiệu Movado Made màu trắng, mặt đồng hồ màu đen; 01 miếng mica bên trái có ghi chữ phường Nguyễn Cư Trinh, bãi giữ xe Cổng Quỳnh, B2; 01 thẻ Paking Card của Ban quản lý tòa nhà NOVALAND; 01 Khóa từ Honda; 01 thẻ ATM của ngân hàng ACB, số tài khoản 6412847 mang tên Trần Minh T.

- Các đồ vật là tài sản cá nhân không liên quan đến vụ án của bị cáo Nguyễn Đình K nên cần trả lại cho bị cáo K gồm: 01 ví da màu nâu; số tiền 7.000đ (một triệu không trăm lẻ bảy nghìn đồng); 01 đồng hồ bằng kim loại màu đen;

- CQĐT đã trả lại cho anh Hồ Thanh D: 01 xe ô tô biển kiểm soát 51G – 921.78; 01 giấy chứng nhận kiểm định No: KD 0661244 phương tiện biển đăng ký 51G – 921.78; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe Hồ Thanh D; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe Hồ Thanh D; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển kiểm soát 51G – 921.78 (bản photocopy công chứng); 01 giấy biên nhận thế chấp số 3900024119/001/VIP ngày 07/10/2019; 01 giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 2911 (bản photocopy) nên Hội đồng xét xử không xét

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[8] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Minh T đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm đối với bị cáo Trần Minh T là phù hợp được chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Đình K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 01 năm 2020.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K 04(bốn) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 01 năm 2020.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model: RM -1011505123F C014455D04V01 màu đen, số IMEI 1: 35647 80627 04604, IMEI 2: 35647 80627 04612 gắn kèm theo một sim mã số 8401 1811 5000 0204 WD, 01 thẻ nhớ 8 GB; 01 điện thoại di động “Iphone” IMEI khay sim 357377093708007 bên trong gắn thẻ sim mã số 8401-1908-5027-1994 thu giữ của bị cáo T do bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại di động “Iphone” IMEI khay sim 356713085591947 bên trong có gắn thẻ sim có mã số 8401-1812-5004-5083 của bị cáo K do bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước

- Số tiền bị cáo T đưa cho bị cáo K 3.000.000đ để trả tiền thuê xe thực hiện hành vi phạm tội. K đã trả cho Hồ Thanh D 2.000.000đ, còn lại 1.000.000đ cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Các vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy:

- 01 túi niêm phong mã số 15M1 ngày 22/01/2020 có chữ ký giáp lai và hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước

- 01 thùng giấy có chữ STING niêm phong (ký hiệu M2) dán kín mép, có chữ ký giáp lai và hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước

- 01 thùng giấy có chữ SOLITE niêm phong (ký hiệu M3) dán mép kín có chữ ký giáp lai và hình dấu tròn đỏ của Công an xã Tiến Hưng

- 01 túi niêm phong mã số PS1A064162 (ký hiệu M4)

- 01 mảnh nilon màu vàng, kích thước (14,6 x 5)cm; 01 gói thuốc hiệu Jet; 01 hộp quẹt ga màu trắng; 01 cái kéo bằng kim loại dài 10,2cm; 01 túi vải màu đỏ mặt ngoài có chữ “PHUONG NAM EDUCATION”; 01 đoạn kim loại dài 7,0cm; 01 túi xách màu đen; 01 cục sạc, 01 dây sạc, 01 dây nghe; 01 kính mắt màu đen; 01 hộp quẹt ga màu trắng chỉ còn phần nhựa; 01 mũ màu đỏ, mặt ngoài có chữ “DRI - FIT”

- **Các đồ vật là tài sản cá nhân của bị cáo Trần Minh T nên cần trả lại** cho bị cáo T gồm: 01 bóp da màu đen; số tiền 5.762.000đồng (năm triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng); 01 tờ tiền 10 USD DOLLARS; 01 tờ tiền 2 USD DOLLARS; 01 đồng hồ hiệu Movado Made màu trắng, mặt đồng hồ màu đen; 01 miếng mica bên trái có ghi chữ phường N, bãi giữ xe C, B2; 01 thẻ Paking Card của Ban quản lý tòa nhà NOVALAND; 01 Khóa từ Honda; 01 thẻ ATM của ngân hàng ACB, số tài khoản 6412847 mang tên Trần Minh T.

- Các đồ vật là tài sản cá nhân không liên quan đến vụ án của bị cáo Nguyễn Đình K nên cần trả lại cho bị cáo K gồm: 01 ví da màu nâu; số tiền 7.000đ (một triệu không trăm lẻ bảy nghìn đồng); 01 đồng hồ bằng kim loại màu đen;

- CQĐT đã trả lại cho anh Hồ Thanh D: 01 xe ô tô biển kiểm soát 51G – 921.78; 01 giấy chứng nhận kiểm định No: KD 0661244 phương tiện biển đăng ký 51G – 921.78; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe Hồ Thanh D; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe Hồ Thanh D; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển kiểm soát 51G – 921.78 (bản photocopy công chứng); 01 giấy biên nhận thể chấp số 3900024119/001/VIP ngày 07/10/2019; 01 giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 2911 (bản photocopy) nên Hội đồng xét xử không xét

(Các vật chứng trên theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0000207, quyển số 0005 giữa Công an tỉnh Bình Phước và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước ngày 28/10/2021)

4. Kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ hành vi của đối tượng Nguyễn Thị Kim Y (P) đồng thời xem xét vai trò liên quan của bị cáo K với hành vi của bị cáo T vận chuyển 982,9190 gam ma túy loại Methamphetamine cũng như hành vi K rủ T sử dụng chất ma túy tại nhà nghỉ Đức Phú để xử lý theo quy định.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Minh T, Nguyễn Đình K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDCC, VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- CQĐT, PV06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Trại giam Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hòa